



BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 8/2026

I. VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

1. Nghị định số 254/2026/NĐ-CP (NĐ 254) ngày 30/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 về hóa đơn điện tử (HĐĐT), chứng từ điện tử

Trong đó, một số điểm mới đáng chú ý của NĐ 254 được tóm tắt như dưới đây:

1.1. Trường hợp không phải sử dụng HĐĐT từ 01/07/2026

Cụ thể, Điều 7 NĐ 254 quy định rõ trường hợp không phải sử dụng HĐĐT bao gồm:

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh:
 - Bán hàng hóa, dịch vụ thuộc trường hợp lập bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ theo quy định về pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp trừ đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử;
 - Có thu nhập từ hoạt động cho thuê bất động sản; thu nhập từ hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.
 - Làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, đại lý bán hàng đa cấp mà doanh nghiệp xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp đã khấu trừ thuế
- Khoản phí, khoản thu khác phát sinh từ hoạt động tái bảo hiểm, nhận tiền gửi, hoạt động tài chính, bán nợ, giao dịch ngoại tệ và sản phẩm phái sinh.
- Góp vốn bằng tài sản của tổ chức, cá nhân kinh doanh vào tổ chức kinh tế.
- Tài sản điều chuyển từ:
 - Công ty mẹ đến các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và ngược lại;
 - Các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc trong cơ sở kinh doanh; tài sản điều chuyển khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.
- Máy móc, thiết bị cho mượn là tài sản cố định và công cụ, dụng cụ phục vụ gia công hàng hóa của bên cho mượn, không thu tiền, không chuyển quyền sở hữu.
- Các trường hợp liên quan đến thuế GTGT:
 - Hàng hóa, dịch vụ sử dụng để tiếp tục quá trình sản xuất, kinh doanh của cơ sở kinh doanh: Hàng hóa được xuất để chuyển kho nội bộ, xuất vật tư, bán thành phẩm để tiếp tục quá trình sản xuất, kinh doanh trong một cơ sở kinh doanh;
 - Hàng hóa, dịch vụ do cơ sở kinh doanh xuất/cung cấp để sử dụng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh;
 - Các khoản thu không liên quan đến bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của cơ sở kinh doanh: Các khoản thu về bồi thường bằng tiền, tiền thưởng, thu đòi người thứ ba của hoạt động bảo hiểm, các khoản thu hộ...



1.2. Điều chỉnh quy định về thời điểm lập hóa đơn

1.2.1. Nhận tiền đặt cọc để thực hiện hợp đồng dịch vụ chưa phải xuất hóa đơn

Theo khoản 2 Điều 9 NB 254, thời điểm lập hóa đơn khi cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa. Trường hợp người cung cấp dịch vụ thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền.

Trong khi đó, theo quy định cũ tại điểm a khoản 6 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP sửa đổi khoản 2 Điều 9 Nghị định 123/2020/NĐ-CP, thời điểm lập hóa đơn này không bao gồm trường hợp thu tiền đặt cọc/tạm ứng để đảm bảo thực hiện hợp đồng dịch vụ với các dịch vụ cụ thể

- | | |
|---|------------------------------|
| - Kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; | - Tư vấn giám sát; |
| - Thẩm định giá; | - Lập dự án đầu tư xây dựng. |
| - Khảo sát, thiết kế kỹ thuật; | |

1.2.2. Bổ sung dịch vụ phải có thời gian đối soát lập hóa đơn sau 7 ngày

Cụ thể, theo điểm a khoản 4 Điều 9 NB 254, Chính phủ đã bổ sung các dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác gồm:

- | | |
|--|---|
| - Dịch vụ hoa tiêu hàng hải; | - Dịch vụ bảo vệ; |
| - Dịch vụ quảng cáo trên các trang báo điện tử; | - Dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp; |
| - Dịch vụ công nghệ số, nền tảng số; | - Dịch vụ cửa sổ giao dịch hàng hóa; |
| - Dịch vụ công nghệ thông tin bao gồm dịch vụ trung gian thanh toán sử dụng trên nền tảng viễn thông, công nghệ thông tin; | - Dịch vụ thông tin tín dụng |
| - Dịch vụ tài sản mã hóa; | - Dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách (bằng xe taxi, xe hợp đồng, xe mô tô hai bánh sử dụng phần mềm hỗ trợ kết nối vận tải theo pháp luật về đường bộ) cung cấp dịch vụ cho khách hàng là các doanh nghiệp, tổ chức. |
| - Dịch vụ hỗ trợ giao dịch trên sàn giao dịch các-bon; | |
| - Dịch vụ bảo hiểm; | |

1.2.3. Bổ sung trường hợp được lập hóa đơn tổng cuối ngày

Cụ thể, theo điểm m khoản 4 Điều 9 NB 254, bổ sung trường hợp cơ sở khám chữa bệnh được tổng hợp lập HĐĐT cho các dịch vụ y tế thực hiện trong ngày là khi người đến khám chữa bệnh thực hiện các dịch vụ có in phiếu thu tiền như chụp, chiếu.

Ngược lại, nếu khách hàng có nhu cầu lấy hóa đơn thì cơ sở khám chữa bệnh lập hóa đơn điện tử giao cho khách hàng.

1.2.4 Bổ sung trường hợp phát sinh giao dịch trong giờ làm việc ban đêm

Theo khoản 5 Điều 9 NB 254, trường hợp người bán không có phần mềm lập hóa đơn tự động thì thời điểm lập hóa đơn chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo.

1.3. Cơ quan quản lý đất đai, công an, y tế... phải chia sẻ dữ liệu HDDT với Cục Thuế

Nhằm phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hiện nay, khoản 4 Điều 40 Nghị định 254/2026/NĐ-CP đã điều chỉnh một số quy định về trách nhiệm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu liên quan cần thiết trong lĩnh vực mình quản lý với Cục thuế để xây dựng cơ sở dữ liệu HDDT so với trước đây.

1.4. Người tổ giác hành vi không xuất HDDT được thưởng đến 10 triệu đồng

Nội dung này trước đây chưa được quy định. Theo khoản 1 Điều 41 NĐ 254, người tiêu dùng tố giác người bán không lập và giao HDDT khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ được xem xét khen thưởng nếu đáp ứng các điều kiện cụ thể. Trong đó, mức chi khen thưởng khi phản ánh hành vi không lập và giao hóa đơn của 01 vụ việc không quá 10% số tiền xử phạt hành chính và tối đa 10 triệu đồng/01 vụ việc.

1.5. Hủy hóa đơn đặt in của cơ quan thuế chưa dùng hết

Quy định này được nêu tại khoản 3 Điều 44 NĐ 254. Cụ thể, từ ngày 01/7/2026, hóa đơn đặt in của cơ quan thuế hết giá trị sử dụng. Cơ quan thuế, tổ chức kinh tế, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn đặt in của cơ quan thuế chưa sử dụng hết phải thực hiện tiêu hủy hóa đơn đặt in của cơ quan thuế theo trình tự, thủ tục do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.

Quy định này cũng áp dụng với biên lai giấy theo hình thức tự in, đặt in thực hiện theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, thời điểm áp dụng việc tiêu hủy bắt đầu từ 01/01/2027, biên lai giấy tự in, đặt in chưa sử dụng hết được tiếp tục sử dụng cho đến hết ngày 31/12/2026. Đồng thời, tổ chức sử dụng biên lai giấy phải thực hiện chuyển đổi để áp dụng biên lai điện tử theo định dạng chuẩn dữ liệu.

1.6. Quy định mới về nội dung hóa đơn

- Bổ sung quy định về nội dung hóa đơn hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử và sử dụng mã số thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cho tất cả các cửa hàng. Cụ thể:
 - Nội dung hóa đơn phải có: Tên, mã, địa chỉ địa điểm kinh doanh
 - Doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu: Mã, địa chỉ địa điểm kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp của từng địa điểm kinh doanh trên hóa đơn.
 - HDDT ủy nhiệm: Tên, địa chỉ, mã số thuế của bên ủy nhiệm và tên, địa chỉ, mã số thuế của bên nhận ủy nhiệm.
 - Bán đấu giá tài sản để thi hành án: Tên, địa chỉ, mã số thuế của cơ quan được giao bán đấu giá tài sản và tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán.
- Bổ sung hướng dẫn về cách ghi người mua trên hóa đơn nếu người mua là người tiêu dùng không cung cấp tên, địa chỉ và số định danh cá nhân.

Cụ thể, theo quy định mới tại điểm b khoản 4 Phụ lục ban hành kèm theo NĐ 254, với trường hợp này, người bán không để trống thông tin người mua mà phải ghi rõ trên hóa đơn là **“Bán cho người tiêu dùng”**.

Ngược lại, nếu người mua cung cấp tên, địa chỉ, số định danh cá nhân thì trên hóa đơn phải thể hiện tên, địa chỉ, số định danh cá nhân. Với người mua là người nước ngoài thì thể hiện thông tin số hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh và quốc tịch của khách hàng.

2. Nghị định số 255/2026/NĐ-CP (NĐ 255) ngày 30/06/2026 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết (GDLK) đối với doanh nghiệp có quan hệ liên kết

Trong đó, một số điểm mới đáng chú ý của NĐ 255 được tóm tắt như dưới đây:

2.1. Bổ sung quy định về mối quan hệ liên kết

2.1.1. Bổ sung quan hệ liên kết thông qua việc mượn, cho mượn

Nghị định bổ sung quy định về mối quan hệ liên kết thông qua việc mượn, cho mượn, tương tự quy định về vay, cho vay tại điểm 1 khoản 2 Điều 5.

Theo đó, doanh nghiệp phát sinh các giao dịch:

- Nhượng, nhận chuyển nhượng vốn góp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu trong kỳ tính thuế;
- Vay, cho vay, mượn, cho mượn ít nhất 10% vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm phát sinh giao dịch trong kỳ tính thuế với cá nhân điều hành, kiểm soát doanh nghiệp hoặc cá nhân thuộc một trong các mối quan hệ theo quy định, sẽ được xem xét xác định là có quan hệ liên kết theo quy định.

Trước đây chưa có quy định xác định mối quan hệ liên kết giữa doanh nghiệp và cá nhân điều hành, kiểm soát hoặc cá nhân thuộc các mối quan hệ nêu trên thông qua việc mượn, cho mượn.

2.1.2. Bổ sung trường hợp không áp dụng quan hệ liên kết

Nghị định bổ sung trường hợp không áp dụng quy định về quan hệ liên kết đối với:

“Chủ nợ, bên bảo lãnh là tổ chức do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ, không tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp điều hành, kiểm soát, góp vốn, đầu tư vào doanh nghiệp bên nợ hoặc doanh nghiệp được bảo lãnh theo quy định.”

2.2. Bổ sung cơ sở dữ liệu phục vụ kê khai, xác định và quản lý giá GDLK

- Sửa đổi quy định về cơ sở dữ liệu thương mại
- Bổ sung cơ sở dữ liệu quốc gia
- Sửa đổi quy định về cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế

2.3. Bổ sung, sửa đổi các trường hợp không phải nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR) tại Việt Nam

Nghị định bổ sung, làm rõ các trường hợp người nộp thuế không phải nộp Báo cáo CbCR tại Việt Nam, bao gồm:

- Báo cáo CbCR đã được trao đổi tự động cho cơ quan thuế Việt Nam theo thỏa thuận của Nhà chức trách có thẩm quyền.
- Trường hợp tổ chức thay mặt nộp Báo cáo CbCR và đáp ứng đầy đủ các điều kiện áp dụng cơ chế này.
- Trường hợp có sự khác biệt về ngưỡng doanh thu, đồng tiền quy đổi hoặc nguyên tắc xác định doanh thu giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ.

2.4. Bổ sung hình thức nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia

Chính phủ đã bổ sung quy định về định dạng và hình thức nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia. Cụ thể:

- Nộp theo định dạng XML đã được mã hóa
- Nộp qua Hệ thống thông tin quản lý thuế

Đồng thời, khoản 6 Điều 19 Nghị định này cũng quy định tỷ giá ngoại tệ để xác định ngưỡng doanh thu hợp nhất được xác định theo tỷ giá trung tâm hoặc trung bình tỷ giá tính chéo của tháng 12 năm liền kề trước năm báo cáo được tham chiếu do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

2.5. Tăng mức doanh thu phải nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia

Từ 01/7/2026, theo khoản 1 Điều 19 ND 255, mức doanh thu hợp nhất toàn cầu trong năm tài chính liền kề trước năm báo cáo tương đương từ **750 triệu Euro trở lên** phải lập và nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia cho cơ quan thuế. *(Mức quy định cũ: 18 nghìn tỷ đồng)*

2.6. Tăng doanh thu miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết

Người nộp thuế được miễn lập Hồ sơ xác định giá GDLK trong các trường hợp thực hiện kinh doanh không phát sinh doanh thu, chi phí từ hoạt động khai thác, sử dụng tài sản vô hình, có doanh thu dưới **500 tỷ đồng**, áp dụng tỷ suất lợi nhuận thuần chưa trừ chi phí lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm chênh lệch doanh thu và chi phí của hoạt động tài chính) trên doanh thu thuần, bao gồm các lĩnh vực như sau:

- c.1) Phân phối: Từ 5% trở lên;
- c.2) Sản xuất: Từ 10% trở lên;
- c.3) Gia công: Từ 15% trở lên.

(Mức quy định cũ: 200 tỷ đồng)

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2026.



II. CÔNG VĂN MỚI ĐÁNG LƯU Ý

1. Công văn số 5891/CT-CS ngày 14/08/2026 của Cục Thuế về chính sách thuế

Trường hợp cơ quan thi hành án tỉnh bán tài sản bảo đảm thi hành án của Công ty theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự thì cơ quan thi hành án tỉnh **có trách nhiệm khai thuế thay, nộp thay thuế** (bao gồm thuế GTGT, thuế TNDN) cho Công ty từ hoạt động bán đấu giá tài sản thi hành án theo quy định.

2. Công văn số 5557/CT-CS ngày 04/08/2026 của Cục thuế về chính sách thuế GTGT

Trường hợp cơ sở kinh doanh là chủ dự án đầu tư thành lập Ban Quản lý dự án và giao cho Ban Quản lý dự án trực tiếp thực hiện, quản lý dự án đầu tư thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT thì Ban Quản lý dự án được khấu trừ và hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư.

Ban Quản lý dự án phải bù trừ số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho dự án đầu tư với số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang thực hiện của cơ sở kinh doanh cùng kỳ tính thuế (nếu có). **Sau khi bù trừ nếu số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên** thì được hoàn thuế GTGT theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ. Việc khai thuế GTGT đối với dự án đầu tư thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

3. Công văn số 5868/CT-CS ngày 14/08/2026 của Cục Thuế về chính sách thuế GTGT

Trường hợp Công ty mua trâu bò sống từ nguồn nhập khẩu về vỗ béo theo đúng kỹ thuật vỗ béo trâu bò trước khi giết thịt (ban hành kèm theo các Quyết định số 294/QĐ-CN-MTCN, Quyết định số 295/QĐ-CN-MTCN ngày 23/09/2020 của Cục Chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), sau đó bán ra là sản phẩm chăn nuôi chưa chế biến thành các sản phẩm khác do tổ chức, cá nhân tự sản xuất bán ra thuộc đối tượng **không chịu thuế GTGT**.

Trường hợp Công ty mua trâu bò sống từ nguồn nhập khẩu về và bán ra (không tiếp tục chăn nuôi vỗ béo hoặc có vỗ béo nhưng không đảm bảo thời gian, kỹ thuật, quy trình theo quy định) là sản phẩm chăn nuôi chưa qua chế biến ở khâu kinh doanh thương mại, từ ngày 01/01/2026, khi bán ra cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì thuộc đối tượng **không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT**; trường hợp bán cho các đối tượng như hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh và các tổ chức, cá nhân khác thì tính thuế GTGT theo mức **thuế suất 5%**.

4. Công văn số 5744/CT-CS ngày 10/08/2026 của Cục Thuế về thuế GTGT

Trường hợp Công ty cung cấp cho doanh nghiệp Việt Nam dịch vụ hỗ trợ vận tải quốc tế như làm hàng, hải quan, bốc xếp, nâng hạ, đóng gói..., dịch vụ **không thực hiện tại Việt Nam, không sử dụng cho sản xuất kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam** thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thuế giá trị gia tăng.

5. Công văn số 5622/CV-NVT ngày 05/08/2026 của Cục Thuế về triển khai tạm hoãn xuất cảnh theo quy định tại Nghị định số 252/2026/NĐ-CP (NĐ 252)

5.1. Về tạm hoãn xuất cảnh, hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh

5.1.1. Tạm hoãn xuất cảnh, hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh đối với DN, HTX, HKD, cá nhân kinh doanh không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (trạng thái 06)

5.1.1.1. Tạm hoãn xuất cảnh

Điều kiện và trình tự áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh đối với NNT ở trạng thái 06 đã có thay đổi so với quy định tại Nghị định số 49/2025/NĐ-CP. Theo đó:

- **Sau 90 ngày** kể từ ngày cơ quan thuế ban hành thông báo NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, nếu NNT không thực hiện thủ tục khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc sẽ áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh;
- **Sau 30 ngày** kể từ ngày cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc sẽ áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh mà NNT vẫn không thực hiện thủ tục khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì cơ quan thuế ban hành Thông báo tạm hoãn xuất cảnh.

Việc áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh đối với các trường hợp nêu trên không phụ thuộc vào việc NNT đang phát sinh tiền thuế nợ hay không.

5.1.1.2. Hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh

a) Trường hợp NNT ở trạng thái 06 thực hiện thủ tục khôi phục mã số thuế

Đối với NNT là cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ở trạng thái 06, khi người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế và **đã hoàn thành** việc nộp hồ sơ khai thuế còn thiếu, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn (đối với hóa đơn giấy theo quy định trước đây, nếu có), số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp hoặc còn nợ, đồng thời cơ quan thuế đã xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hóa đơn tính đến thời điểm người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Thông tư số 90/2026/TT-BTC, nếu số tiền thuế nợ còn phải nộp dưới 50 triệu đồng (đối với cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh) hoặc 500 triệu đồng (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) thì cơ quan thuế ban hành thông báo hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh đối với NNT.

NNT có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ về thuế, hóa đơn với cơ quan thuế trong **thời hạn 30 ngày** kể từ ngày cơ quan thuế ban hành Thông báo về các nghĩa vụ thuế phải hoàn thành trước khi khôi phục mã số thuế (Thông báo số 19.1/TB-ĐKT). Trường hợp NNT không hoàn thành nghĩa vụ trong thời hạn nêu tại Thông báo số 19.1/TB-ĐKT, cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc mã số thuế không được khôi phục (mẫu số 38/TB-ĐKT), khi đó NNT tiếp tục ở trạng thái 06 và thuộc trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh.

b) Trường hợp NNT ở trạng thái 06 thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế

Theo quy định tại điểm a.2 khoản 5 Điều 28 NĐ 252, NNT ở trạng thái 06 sau khi được chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì được hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh. Theo quy định tại Điều 16 và Điều 28 Thông tư số 90/2026/TT-BTC đối với NNT là cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ở trạng thái 06, khi NNT nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế và hoàn thành việc nộp các hồ sơ khai thuế còn thiếu, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn (đối với hóa đơn giấy theo quy định trước đây, nếu có), số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp hoặc còn nợ; cơ quan thuế đã xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hóa đơn tính đến thời điểm NNT nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế; cơ quan thuế phối hợp với cơ quan hải quan xác định NNT đã hoàn thành các nghĩa vụ liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu; NNT đã chấp hành quyết định kiểm tra thuế (nếu thuộc trường hợp phải kiểm tra) và hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo quy định thì cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc NNT hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế (mẫu số 28/TB-ĐKT) để doanh nghiệp tiếp tục thực hiện thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động tại cơ quan đăng ký kinh doanh, đồng thời cơ quan thuế ban hành thông báo hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh đối với NNT.

5.1.2. Tạm hoãn xuất cảnh, hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh đối với DN, HTX, HKD, cá nhân kinh doanh ở trạng thái đang hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, chờ giải thể... (khác trạng thái 06)

5.1.2.1. Tạm hoãn xuất cảnh

Khi DN, HTX, HKD, cá nhân kinh doanh có tiền thuế nợ quá hạn nộp 90 ngày và trên ngưỡng quy định (50 triệu đối với HKD, cá nhân KD; 500 triệu đối với DN, HTX) thì CQT thực hiện ban hành Thông báo sẽ áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh; sau 30 ngày kể từ ngày cơ quan thuế ban hành Thông báo sẽ áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh mà NNT không thực hiện nộp để làm số tiền thuế nợ quá hạn nộp 90 ngày xuống dưới ngưỡng quy định thì cơ quan thuế ban hành Thông báo áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh.

5.1.2.2. Hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh

Căn cứ quy định tại điểm a.1 khoản 5 Điều 28 NĐ 252:

- Đối với NNT là cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh thuộc trường hợp bị cưỡng chế và đã bị tạm hoãn xuất cảnh do có số tiền thuế nợ từ 50 triệu đồng trở lên và số tiền thuế nợ này đã quá thời hạn nộp theo quy định từ 120 ngày trở lên, cơ quan thuế ban hành thông báo hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh ngay khi NNT thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, làm cho tổng số tiền thuế nợ còn phải nộp dưới 50 triệu đồng.

- Đối với NNT là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp bị cưỡng chế và đã bị tạm hoãn xuất cảnh do có số tiền thuế nợ từ 500 triệu đồng trở lên và số tiền thuế nợ này đã quá thời hạn nộp theo quy định từ 120 ngày trở lên, cơ quan thuế ban hành thông báo hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh ngay khi NNT thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, làm cho tổng số tiền thuế nợ còn phải nộp dưới 500 triệu đồng.

5.1.3. Tạm hoãn xuất cảnh đối với cá nhân là người nước ngoài

5.1.3.1. Tạm hoãn xuất cảnh

- Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 28 NĐ 252 thì “Cá nhân là người nước ngoài có số tiền thuế nợ quá thời hạn nộp theo quy định mà chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế” thì thuộc trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh.

- Theo quy định tại điểm a.2 khoản 3 Điều 28 NĐ 252 thì CQT ban hành ngay thông báo tạm hoãn xuất cảnh khi người nước ngoài có số tiền thuế nợ quá thời hạn nộp theo quy định, mà không phải ban hành thông báo sẽ áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh.

5.1.3.2. Hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh

- Theo quy định tại điểm a.3 khoản 5 Điều 28 NĐ 252 thì cá nhân là người nước ngoài được hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh ngay sau khi CQT xác định NNT đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

5.1.4. Tạm hoãn xuất cảnh đối với cá nhân là người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài

5.1.4.1. Tạm hoãn xuất cảnh

- Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 NĐ 252 thì “Cá nhân là người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam có số tiền thuế nợ quá thời hạn nộp theo quy định mà chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế” thì thuộc trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh.

- Theo quy định tại điểm a.3 khoản 3 Điều 28 NĐ 252 thì CQT ban hành thông báo tạm hoãn xuất cảnh khi có căn cứ xác định cá nhân là người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài còn tiền thuế nợ.

5.1.4.2. Hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh

- Theo quy định tại điểm a.3 khoản 5 Điều 28 NĐ 252 thì cá nhân là người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài được hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh ngay sau khi CQT xác định NNT đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

6. Công văn số 5607/CT-CS ngày 05/08/2026 của Cục Thuế về chính sách thuế

6.1. Về thuế suất thuế GTGT và hóa đơn:

- Thuế suất thuế GTGT 0% áp dụng đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính; thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không được quy định tại Điều 4, Điều 9 và Điều 10 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.
- Thời điểm xác định thuế GTGT đối với xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
- Ngày lập hóa đơn đối với xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền; trường hợp giao hàng nhiều lần hoặc bàn giao từng hạng mục, công đoạn dịch vụ thì mỗi lần giao hàng hoặc bàn giao đều phải lập hóa đơn cho khối lượng, giá trị hàng hóa, dịch vụ được giao tương ứng.

6.2. Về hồ sơ khai thuế GTGT:

- Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019.
- Doanh nghiệp chế xuất chỉ có hoạt động xuất khẩu thì không phải nộp hồ sơ khai thuế GTGT.

6.3. Về hoàn thuế GTGT: từ ngày 01/7/2025, theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 thì cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT khi giải thể, phá sản có số thuế GTGT nộp thừa hoặc số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết.

7. Công văn số 5538/CT-CS ngày 04/08/2026 của Cục Thuế về thuế tài nguyên

Trường hợp tài nguyên khai thác không tiêu thụ trong nước mà xuất khẩu thì đối với sản lượng tài nguyên xuất khẩu, giá tính thuế tài nguyên là **trị giá hải quan** của tài nguyên khai thác xuất khẩu, không bao gồm thuế xuất khẩu.

Trị giá hải quan của tài nguyên khai thác xuất khẩu thực hiện theo quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu tại Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn thi hành.

8. Công văn số 5555/CT-CS ngày 04/08/2026 của Cục Thuế hướng dẫn quét QR tem điện tử thuốc lá

Từ ngày 01/01/2026 đến trước ngày 01/7/2026, khi tổ chức, cá nhân xuất tem cho bộ phận sản xuất thì tổ chức, cá nhân phải quét mã QR gắn trên thùng tem hoặc block tem hoặc con tem, đồng thời nhập các dữ liệu: tên hàng hóa, thời gian sản xuất, đơn vị đo lường (lít đối với rượu, điều đối với thuốc lá), đơn giá bán sản phẩm, để đảm bảo kết nối thông tin về dữ liệu tem điện tử được truyền về Hệ thống quản lý tem điện tử.

Từ ngày 01/7/2026, khi doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân xuất tem điện tử cho bộ phận sản xuất thì doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phải quét mã QR gắn trên thùng tem điện tử hoặc block tem điện tử hoặc tem điện tử, đồng thời nhập các dữ liệu: tên hàng hóa, thời gian sản xuất (theo ngày/tháng/năm hoặc tháng/năm), đơn vị đo lường (lít/chai đối với rượu, điều/bao đối với thuốc lá), đơn giá bán sản phẩm (hoặc đơn giá bán sản phẩm tạm tính trong trường hợp chưa xác định được đơn giá), để đảm bảo kết nối thông tin về dữ liệu tem điện tử được truyền đến Hệ thống thông tin quản lý thuế.

Liên hệ

Bản tin này được ECOVIS AFA VIETNAM cập nhật từ các văn bản pháp quy do các cơ quan nhà nước ban hành trên các phương tiện thông tin đại chúng và cho mục đích tham khảo, không được xem như ý kiến tư vấn pháp luật cụ thể. Mặc dù đã cố gắng cung cấp thông tin một cách chính xác và cụ thể nhất, việc áp dụng các thông tin này vào các trường hợp cụ thể có thể không hoàn toàn phù hợp. Để biết thêm thông tin hoặc cần chúng tôi hỗ trợ, vui lòng liên hệ với các chuyên gia của chúng tôi.



Nguyễn Hải Nam

P. Chủ tịch HĐQT / Tổng Giám đốc

0916 020 113

nam.nguyen@ecovis.com.vn



Nguyễn Trọng Hiếu

Chủ tịch HĐQT

0914 015 678

hieu.nguyen@ecovis.com.vn



Nguyễn Trung Dũng

Phó Tổng Giám đốc

0917 705 379

dung.nguyen@ecovis.com.vn



Phạm Quang Trung

Phó Chủ tịch thường trực HĐQT

0935 58 3456

trung.pham@ecovis.com.vn



Lê Huy Đông

Giám đốc Tư vấn - Đào tạo

0944 322 988

dong.le@ecovis.com.vn



Nguyễn Thị Hiền Giang

Trưởng phòng Tư vấn – Đào tạo

0933 224 968

giang.nguyen@ecovis.com.vn

